

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HSST

Ngày 21 - 02 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Bằng và bà Đỗ Thị Kim Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2021/TLST - HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Đặng Xuân T, sinh ngày 16/10/1979; nơi đăng ký hộ khẩu tH1 trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã V, huyện K tỉnh Thái Bình; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lái xe; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Xuân M (đã chết) và bà Hoàng Thị D; có vợ là Nguyễn Thị H và có 02 con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2011); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 37/HSST ngày 23/7/2015 của Toà án nhân dân huyện K xử phạt Đặng Xuân T 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội “Đánh bạc”. Ngày 18/9/2015, T chấp hành xong thi hành án dân sự. Ngày 23/9/2016 chấp hành xong thời gian thử thách của án treo; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/5/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

2. T1, sinh ngày 29/6/1982, tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu tH1 trú và chỗ ở hiện nay: Xóm 10, xã H2, huyện H1, tỉnh Nam Định; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lái xe; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Huy T2 và bà Hoàng Thị B; có vợ là Trần Thị L và có 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/5/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại

Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

3. **Trần Thị H2**, sinh ngày 27/3/1977, tại huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; nơi đăng ký hộ khẩu tH1 trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K1, xã T3, huyện Y1, tỉnh Yên Bái; trình độ văn hóa: Không biết chữ; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức V và bà Trần Thị S; có chồng là Nguyễn Văn S1 và có 01 con, sinh năm 1988; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 (Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00052PLS2020/QĐ – XPHC ngày 14/5/2020 của Công an tỉnh Lạng Sơn xử phạt Trần Thị H2 về hành vi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, mức phạt 3.000.000đ, đã nộp phạt ngày 01/6/2020); bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/5/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

4. **Nguyễn Văn T4**, sinh ngày 03/8/1990, tại tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu tH1 trú và chỗ ở hiện nay: Số x, pH1 H3, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lái xe; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Đặng Thị M và có 02 con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị H2: Bà Kim Hồng T5 - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, “có đơn xin xét xử mặt”.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn 1, xã V, huyện K tỉnh Thái Bình; (có mặt).

- Anh Lê Văn M1, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội; (vắng mặt).

- Chị Đặng Thị M, sinh năm 1991; địa chỉ: Số x, pH1 H3, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; (có mặt).

- Ông Phạm Huy T2, sinh năm 1943; địa chỉ: Xóm 10, xã H2, huyện H1, tỉnh Nam Định; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Trần Thị S, sinh năm 1955; Nơi ĐKKHKT: Thôn K1, xã T3, huyện Y1, tỉnh Yên Bái;

Hiện tạm trú tại: TDP Đ1, thị trấn Đ, huyện T6, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ vụ lợi, Đặng Xuân T, T1, Nguyễn Văn T4 đều làm nghề lái xe taxi và Trần Thị H2 (là bạn gái của T) đã tổ chức cho người Trung Quốc (đều là những người nhập cảnh trái phép vào lãnh thổ Việt Nam) từ địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và Tuyên Quang xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc tại khu vực biên giới Việt - Trung thuộc tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể như sau:

1. Hành vi tổ chức cho 10 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép của Đặng Xuân T, T1, Trần Thị H2 và Nguyễn Văn T4:

Khoảng cuối tháng 4 năm 2021, Nguyễn Văn T4 quen biết với một khách hàng đi xe taxi tên là T giới thiệu quê ở Ninh Bình (không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, gọi tắt là T - Ninh Bình), sử dụng số điện thoại 0383.239.916 và tài khoản zalo “Trên mọi nẻo đường” để kết bạn với T4. Khoảng 18 giờ 40 phút ngày 03/5/2021, T4 nhận được cuộc gọi điện thoại của T - Ninh Bình thuê chở 10 người nam giới Trung Quốc nhập cảnh trái phép, từ thành phố Vĩnh Yên đưa đến tỉnh Thái Nguyên, để họ tìm cách vượt biên sang Trung Quốc, T4 đồng ý. Sau đó, T4 gọi điện thoại cho Đặng Xuân T đang làm dịch vụ “cò” taxi tại sân bay Nội Bài với nội dung bảo T chở số người trên để lấy tiền công chia nhau. Qua tin nhắn zalo T4 nói với T *“có người thuê chở khách Trung Quốc không giấy tờ từ Vĩnh Yên sang Thái Nguyên, anh có bố trí được xe không?”*, T hỏi *“Thế có bao nhiêu người?”*, T4 trả lời *“khoảng 10 người”*. Sau khi đã rủ được T1 chở 10 người nam giới Trung Quốc từ thành phố Vĩnh Yên đưa lên tỉnh Thái Nguyên để họ vượt biên trái phép thì T gọi điện thoại báo cho T4 biết và hỏi giá cả như thế nào thì T4 nói: *“Anh cứ lấy kênh giá lên để anh em mình có đồng điện thoại”* (ý nói lấy giá cao hơn bình thường để lấy tiền chia nhau), T đồng ý. Sau đó, T4 cho T – Ninh Bình số điện thoại của Đặng Xuân T để trao đổi và thống nhất giá cả. Hai bên thống nhất chở 10 người nam giới Trung Quốc không có giấy tờ từ thành phố Vĩnh Yên đến thành phố Thái Nguyên là 10.000.000 đồng. Qua tin nhắn zalo, tài khoản “Trên mọi nẻo đường” gửi địa chỉ *“số 9 Phạm Hồng Thái, TP Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc”*, số điện thoại 0347.388.504 để T liên lạc khi đón người, đồng thời nhờ thu hộ số tiền 72.000.000 đồng của 10 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép này. Sau khi thỏa T4 giá cả với T – Ninh Bình xong, khoảng 23 giờ 00 phút ngày 03/5/2021, T1 điều khiển xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INOVA, biển kiểm soát (viết tắt là: BKS) 18A - 064.89 cùng Đặng Xuân T đi từ khu vực sân bay Nội Bài, theo tuyến đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai đến thành phố Vĩnh Yên. Trên đường đi, Đặng Xuân T gọi đến số điện thoại 0347.388.504 do T - Ninh Bình cung cấp thì có 01 người nam giới (không biết tên, tuổi, địa chỉ) nghe máy và chỉ dẫn cho T địa chỉ đón người Trung Quốc trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên. Sau khi đón được 10 người nam giới Trung Quốc nêu trên thì Đặng Xuân T thu của họ số tiền 72.000.000 đồng rồi hỏi T – Ninh Bình là chở họ đến địa chỉ nào. Lúc này, T –

Ninh Bình nói chưa tìm được đường cho số người Trung Quốc trên vượt biên nên T – Ninh Bình bảo Đặng Xuân T bố trí chỗ ở hoặc cho số người Trung Quốc này ở tạm trên xe ô tô, chờ T – Ninh Bình sắp xếp đường đi và hứa sẽ trả thêm tiền công, Đặng Xuân T đồng ý. Sau đó, Đặng Xuân T điện thoại báo cho T4 biết là đã đón được 10 người nam giới Trung Quốc và hỏi T4: *“trên đây (Lạng Sơn) em có kiếm được cái nhà nghỉ hay khách sạn nào không để anh chở lên đây?”* thì T4 nói *“đi đâu, đi đường nào là nó phải mua được đường... thằng này nó làm chắc chắn lắm, ... hay anh cứ để chúng nó trên xe ý... mọi sự phải theo sắp xếp của nó”* (ý T4 khuyên Đặng Xuân T yên tâm chở 10 người nam giới Trung Quốc này và cứ nghe theo sự sắp xếp của T – Ninh Bình). Do thời điểm này, công tác phòng chống dịch Covid 19 đang diễn ra quyết liệt và sự kiểm soát hết sức chặt chẽ, Đặng Xuân T sợ bị phát hiện nên đã bảo T1 đưa số người Trung Quốc trên về nhà Đặng Xuân T ở xã Vũ Thắng, huyện K, tỉnh Thái Bình chờ cơ hội vượt biên. Trên đường đi, T đón Trần Thị H2 đang ở cùng phòng trọ với T ở xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội để H1 phiên dịch tiếng Trung Quốc sang tiếng Việt Nam và ngược lại, giúp T4 lợi trong việc giao tiếp giữa nhóm của Đặng Xuân T với 10 người nam giới Trung Quốc, đảm bảo tránh bị người khác phát hiện trong quá trình đưa những người này đến biên giới để vượt biên trái phép, H1 đồng ý. Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 04/5/2021, T1 chở Đặng Xuân T, H1 và 10 người Trung Quốc về nhà T ở xã Vũ Thắng, huyện K, tỉnh Thái Bình (nhà không có ai ở). Tại đây, H1 nói tiếng Trung Quốc dặn 10 người nam giới Trung Quốc trên vào nhà nghỉ ngơi và không được đi lại để tránh bị phát hiện. Đặng Xuân T bảo H1 nói chuyện với những người Trung Quốc để đòi thêm tiền bồi dưỡng và chi phí ăn uống phát sinh khi ở lại nhà T. Sau đó, H1 nói chuyện bằng tiếng Trung Quốc đòi thêm tiền chi phí của những người này thì có 01 người Trung Quốc trong nhóm đã đưa cho H1 số tiền 12.000.000 đồng (tương đương 3.500 nhân dân tệ), H1 cầm số tiền trên để lo chi phí, Đặng Xuân T trả cho T1 số tiền 2.000.000 đồng rồi T1 ra về. Đặng Xuân T hẹn T1 khi nào thấy an toàn sẽ gọi đến chở số người trên vượt biên sang Trung Quốc, T1 đồng ý.

Do trước đó Nguyễn Văn T4 cho T – Ninh Bình mượn tài khoản số 0351001039666, mở tại ngân hàng Vietcombank của vợ T4 là chị Đặng Thị M để làm trung gian chuyển tiền nên T – Ninh Bình gọi điện thoại giục Đặng Xuân T chuyển lại số tiền đã thu của 10 người Trung Quốc là 62.000.000đ cho mình, còn 10.000.000đ trả công cho Đặng Xuân T. Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 04/5/2021, Đặng Xuân T đã đưa cho bà Hoàng Thị D (là mẹ đẻ của Đặng Xuân T) số tiền 64.000.000 đồng để nhờ chuyển vào tài khoản ngân hàng cho Đặng Xuân T. Sau đó, bà Dung cầm số tiền trên đến nhà ông Hoàng Văn H1 (em ruột bà Dung) nhờ chuyển số tiền 64.000.000 đồng vào tài khoản số 47110001127358, chủ tài khoản Đặng Xuân T, mở tại Ngân hàng BIDV, nội dung chuyển tiền *“Tuan anh ck ho”*. Khi có tiền trong tài khoản thì Đặng Xuân T đã chuyển số tiền 62.000.000 đồng

vào tài số tài khoản của Đặng Thị M – vợ T4. Sau đó, T4 đã nhờ chị Mơ đi rút toàn bộ số tiền trên rồi T4 giao lại cho T – Ninh Bình, sau đó T – Ninh Bình đã trả công cho T4 số tiền 1.200.000 đồng.

Khoảng 14 giờ 00 ngày 04/5/2021, Đặng Xuân T nhận được điện thoại từ tài khoản zalo “Trên mọi nẻo đường” của T – Ninh Bình bảo chở 10 người Trung Quốc lên vùng biên giới tỉnh Lạng Sơn để vượt biên thì Đặng Xuân T yêu cầu phải trả thêm số tiền 45.000.000 đồng nhưng T- Ninh Bình nói chỉ trả số tiền 20.000.000 đồng, Đặng Xuân T không đồng ý. Sau đó T4 cũng nhận được điện thoại từ T – Ninh Bình để nhờ T4 nói thêm với Đặng Xuân T về việc chỉ trả giá 20.000.000 đồng vì số tiền thu được từ 10 người nam giới Trung Quốc T – Ninh Bình còn phải lo chi phí trên đường đi đến tận Nam Ninh, Trung Quốc. T4 nói chuyện với T – Ninh Bình có ghi âm cuộc gọi và gửi lại bản ghi âm này cho T biết. Nhưng sau đó hai bên vẫn không thống nhất được giá cả. Đến khoảng 17 giờ 00 cùng ngày, tài khoản của Đặng Xuân T báo nhận được số tiền 45.000.000đ, nội dung “Chav ct” từ số tài khoản 0981000412949, chủ tài khoản HA THI BIEN. Cùng lúc này, Đặng Xuân T nhận được cuộc gọi của một người phụ nữ (không biết tên, tuổi, địa chỉ) có số điện thoại +8615778.165.635 bảo Đặng Xuân T đưa 10 người Trung Quốc lên khu vực biên giới tỉnh Lạng Sơn cho họ vượt biên sang Trung Quốc. Người phụ nữ dặn khi nào lên đến Lạng Sơn thì gọi vào số điện thoại 0373.081.233 và 0388.856.762, sẽ có người đón, Đặng Xuân T đồng ý. Sau đó, Đặng Xuân T gọi điện thoại cho T1 đến đón. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T1 điều khiển xe ô tô BKS 18A-064.89 chở Đặng Xuân T, H1 và 10 người nam giới Trung Quốc đi từ nhà Đặng Xuân T đến khu vực biên giới tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 00 giờ ngày 05/5/2021, khi đến thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, Đặng Xuân T gọi điện thoại đến số điện thoại 0373.081.233 và 0388.856.762 thì có giọng của người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ) nghe máy, Đặng Xuân T thông báo đã đến nơi và đọc biển số xe BKS 18A-064.89 cho người này biết để đến đón. Một lúc sau, có một người đàn ông đi xe máy (T4, T1, T và H1 đều không biết tên, tuổi, địa chỉ và không nhớ đặc điểm xe) dẫn đường cho T1 lái xe đi theo Quốc lộ 4A, từ thị trấn Đồng Đăng hướng đi thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Khi đi đến khu vực biên giới Việt – Trung, tại Km9 Quốc lộ 4A thuộc địa phận thôn Nà Kéo Mới, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, cách đường biên giới khoảng 03km, người đàn ông đi xe máy ra hiệu cho xe dừng lại, Đặng Xuân T vẫy tay ra hiệu, đồng thời H1 bảo số người Trung Quốc này xuống xe đi theo người đàn ông trên để vượt biên sang Trung Quốc. Sau khi nhóm của Đặng Xuân T quay về phòng trọ ở xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, thì H1 đưa cho T1 số tiền 5.000.000 đồng tiền công.

Đối với số tiền 45.000.000 đồng, T khai là tiền của Đặng Xuân T, không liên quan đến hành vi phạm tội, kết quả điều tra xác định: Mặc dù Đặng Xuân T khai là tiền do Đặng Xuân T lao động mà có nhưng không đưa ra căn cứ gì chứng

minh nguồn gốc số tiền nêu trên. Đặng Xuân T thừa nhận có việc thoả T4 với T – Ninh Bình về việc đưa 10 người nam giới sang Trung Quốc với giá 45.000.000đ nhưng hai bên không thoả T4 được về giá cả. Khoảng 15 giờ ngày 04/5/2021, Đặng Xuân T nhận được số tiền trên từ tài khoản số 0981000412949, chủ tài khoản HA THI BIEN với nội dung “Chav ct” (nghĩa là Chấn chuyển tiền). Qua điều tra số tài khoản trên là của chị Hà Thị Biển, sinh năm 1984, ở thôn Cốc Nam, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Chị Biển chuyển tiền hộ người phụ nữ giới thiệu tên là Chấn, sinh sống bên Trung Quốc, không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể. Trước đó Biển không quen biết gì Đặng Xuân T, Đặng Xuân T cũng khai trước đó T và chị Biển không có bất cứ mối quan hệ hay giao dịch gì với nhau. Do vậy, đủ cơ sở kết luận số tiền trên Đặng Xuân T có được là do phạm tội mà có.

Về số tiền các đối tượng thu được từ việc tổ chức cho 10 người nam giới Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc tổng số là 68.200.000 đồng, cụ thể: Đặng Xuân T thu được 55.000.000 đồng, sau khi trừ các khoản chi phí (trả tiền xe cho T1 2.000.000 đồng, mua đồ ăn uống số tiền 500.000 đồng) T được hưởng lợi bất chính 52.500.000 đồng; T1 thu được 7.000.000 đồng, sau khi trừ các khoản chi phí (xăng xe, phí cầu đường) T1 được hưởng lợi 4.340.000 đồng; Trần Thị H2 thu được 12.000.000 đồng, trừ chi phí mua đồ ăn cho 10 người Trung Quốc hết 700.000 đồng, đưa cho T1 5.000.000 đồng, còn được hưởng lợi 6.300.000 đồng; Nguyễn Văn T4 hưởng lợi bất chính số tiền 1.200.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền các đối tượng thu lợi bất chính từ việc tổ chức cho 10 người xuất cảnh trái phép là 64.340.000 đồng.

2. Hành vi tổ chức cho 04 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép của Đặng Xuân T, T1 và Trần Thị H2:

Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 05/5/2021, Đặng Xuân T và H1 đang ở phòng trọ tại xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội thì T nhận được điện thoại của người phụ nữ có số điện thoại +8615778165635 (chính là người thuê nhóm Đặng Xuân T chở chuyển 10 người nam giới Trung Quốc ngày 04/5/2021) thuê đón 04 người Trung Quốc từ tỉnh Tuyên Quang đưa lên khu vực biên giới tỉnh Lạng Sơn và hứa sẽ trả công xứng đáng. Người phụ nữ này cung cấp cho Đặng Xuân T các số điện thoại 0949.794.275, 0947.381.411 và 0948.338.034 bảo Đặng Xuân T liên lạc để đón người, sau khi bàn giao người sẽ thanh toán tiền, Đặng Xuân T đồng ý. Đặng Xuân T rủ H1 đi cùng để phiên dịch đón 04 người Trung Quốc trên nhằm tránh bị người dân phát hiện và kiếm lời, H1 đồng ý. Sau đó, Đặng Xuân T gọi điện thoại cho anh Lê Văn M1 làm nghề lái xe taxi nói là đưa T đi đón bạn ở Tuyên Quang, anh M1 đồng ý. Khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, anh M1 điều khiển xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, BKS: 30E - 784.46 đến nhà trọ đón Đặng Xuân T và H1. Trên đường đi, thấy số máy 0948.338.034 gửi vị trí qua zalo cho Đặng Xuân T, Đặng Xuân T gọi điện thoại lại thì có 01 người nam giới nói tiếng Trung Quốc nghe máy, do không hiểu tiếng Trung Quốc

nên Đặng Xuân T đưa điện thoại cho H1 nói chuyện. Người đàn ông này hỏi “*chúng mày đến đón chưa? Đi đến đâu rồi?*”, H1 trả lời bằng tiếng Trung Quốc “*chúng tao đang trên đường đi, gần đến nơi rồi!*”, người Trung Quốc bảo “*cứ đi theo vị trí tao gửi, chúng tao chờ ở đây rồi*”. Ngay sau đó H1 nói lại cho Đặng Xuân T biết nội dung trao đổi bằng tiếng Trung Quốc với người đàn ông Trung Quốc trên điện thoại và bảo Đặng Xuân T cho xe đến điểm hẹn. Khi đến gần điểm hẹn, Đặng Xuân T gọi điện thoại cho người đàn ông Trung Quốc trên và đưa điện thoại cho H1 nói chuyện bằng tiếng Trung Quốc để chỉ rõ đặc điểm xe là “*ô tô TOYOTA VIOS, BKS 30E – 784.46, chúng tao đang đi đón*”. H1 nói với người đàn ông Trung Quốc bằng tiếng Trung Quốc với nội dung như Đặng Xuân T yêu cầu. Khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, Đặng Xuân T và H1 đến khu vực cầu An Hòa, thành phố Tuyên Quang thì gặp 04 người nam giới Trung Quốc đang đứng ở bên đường chờ sẵn. Đặng Xuân T dùng tay ra hiệu còn H1 nói bằng tiếng Trung Quốc bảo 04 người nam giới Trung Quốc này lên xe BKS 30E – 784.46 do anh M1 lái xe. 04 người Trung Quốc này gồm: Ma Yong Ji (Mã Vĩnh Cát); Ma Rong Sheng (Mã Vĩnh Thắng), Ma Rong Fan (Mã Vĩnh Phàm), cùng trú tại thị trấn Tân Châu, huyện Tân Dương, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc và Huang Zhi Xin (Hoàng Tự Tín), trú tại thị trấn Tân Kiều, huyện Tân Dương, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Sau khi đón được 04 người Trung Quốc trên, Đặng Xuân T bảo anh M1 chở cả nhóm về phòng trọ của Đặng Xuân T. Khi đi đến khu vực ngã ba huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang thì H1 xuống xe rồi H1 đi về quê của H1 ở tỉnh Yên Bái. Anh M1 tiếp tục điều khiển ô tô đưa Đặng Xuân T và 04 người Trung Quốc di chuyển về hướng sân bay Nội Bài. Khi đến khu vực thành phố Phúc Yên, Đặng Xuân T nhận được cuộc gọi điện thoại của 01 nam giới (không biết tên, tuổi địa chỉ, có số điện thoại +861847641588) nói với T việc T đón 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, không có giấy tờ đã bị Công an phát hiện, nếu muốn không bị xử lý thì phải đưa 04 người này quay lại khu vực chợ ở huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Thấy vậy, Đặng Xuân T gọi điện thoại cho người phụ nữ thuê T đón số người Trung Quốc trên thì được người này bảo cứ yên tâm, nói người nam giới kia định “*tranh khách*” với bà ta nên nói vậy, T hỏi “*bây giờ đưa 04 người Trung Quốc đi đâu?*”, người phụ nữ này bảo cố gắng đưa họ ra khu vực biên giới tỉnh Lạng Sơn, T đồng ý. Lúc này, T bảo anh M1 chuyển hướng đi lên tỉnh Lạng Sơn nhưng anh M1 không đồng ý. Anh M1 nghi ngờ 04 người trên xe là người Trung Quốc không có giấy tờ nên anh M1 đã yêu cầu Đặng Xuân T cho 04 người Trung Quốc xuống xe ở khu vực gần gầm cầu vượt cao tốc Nội Bài - Lào Cai thuộc địa phận pH1 Nam Viêm, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Đặng Xuân T buộc phải ra hiệu cho 04 người Trung Quốc xuống xe sau đó anh M1 chở T về phòng trọ, T trả cho anh M1 số tiền 1.400.000 đồng. Khoảng 22 giờ ngày 05/5/2021, T điều khiển xe máy mua đồ ăn, nước uống và sạc điện thoại mang lên gầm cầu vượt cao tốc Nội Bài - Lào Cai thuộc địa phận pH1 Nam Viêm, thành

phố Phúc Yên cho 04 người Trung Quốc trên sử dụng. Trong khoảng thời gian từ 22 giờ 45 phút ngày 05/5/2021 đến 02 giờ 17 phút ngày 06/5/2021, Đặng Xuân T nhận được 05 cuộc gọi của người phụ nữ dùng điện thoại số điện thoại +8615778165635 liên tục nhắc việc đón 04 người Trung Quốc trên để bàn giao cho bà ta tại vùng biên giới tỉnh Lạng Sơn.

Khoảng 06 giờ 41 phút ngày 06/5/2021, tài khoản của T nhận được số tiền 5.000.000 đồng, nội dung “Chav ct” từ số tài khoản 0981000412949, chủ tài khoản HA THI BINH là tiền của người phụ nữ có số điện thoại +8615778165635 ứng trước cho để đưa 04 người Trung Quốc đến vùng biên giới. Lúc này, T điện thoại báo T1 đến đón để đưa 04 người Trung Quốc từ tỉnh Vĩnh Phúc lên biên giới tỉnh Lạng Sơn để họ vượt biên về Trung Quốc và hứa sẽ trả cho T1 số tiền 5.000.000 đồng, T1 đồng ý. Sau đó, T1 điều khiển xe ô tô BKS 18A-06489 đến đón T và được T kể lại việc đi đón 04 người Trung Quốc ở tỉnh Tuyên Quang cho T1 nghe. Trên đường đi, T gọi điện thoại cho H1 báo H1 liên lạc với 04 người Trung Quốc, hỏi xem họ đang ở đâu đồng thời nhắn biển số xe 18A-064.89 để đến đón. H1 sử dụng số điện thoại 0386.618.696 của mình, nhắn tin bằng tiếng Trung Quốc đến số điện thoại 0948.338.034 của Ma Rong Fan (Mã Vinh Phàm) hỏi vị trí của 04 người Trung Quốc và cho số điện thoại 0985.299.389 của T, H1 dặn họ “*buổi tối anh ấy sẽ đến đón, ban ngày không đón được, hãy gọi số điện thoại 389*” (ý nói gọi cho T đến đón) và nhắn tin biển số xe ô tô BKS 18A-064.89 sẽ đến đón họ, Mã Vinh Phàm nhắn tin lại cho H1 bằng chữ Trung Quốc “*cảm ơn, tôi đưa địa chỉ rồi*” (ý nói đã gửi địa chỉ cho T rồi). Lúc này, T sử dụng tài khoản zalo nhắn tin cho Mã Vinh Phàm để tìm đón số người Trung Quốc trên, nội dung “*bạn có thể chụp ảnh bạn đang ở chỗ nào được không?, Tôi đang ở dưới gầm cầu; Bạn đang ở đâu?...*”, còn Mã Vinh Phàn nhắn tin lại, nội dung “*Cô ấy nói bạn đến đón chúng tôi à? Cô ấy bảo biển số xe của bạn rồi. Tôi đang trên đường rồi. Tôi đang đợi bạn. Tôi nhìn thấy xe của bạn rồi*”. Đặng Xuân T và T1 đi lòng vòng để tìm cơ hội đón 04 người Trung Quốc trên nhưng chưa kịp đón thì bị Công an PH1 Nam Viêm, thành phố Phúc Yên tiến hành tuần tra kiểm soát, đã phát hiện thấy 04 người Trung Quốc có biểu hiện nghi vấn nên đã lập biên bản sự việc. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 06/5/2021, Đặng Xuân T và T1 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên triệu tập đến trụ sở làm việc về hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc để điều tra theo thẩm quyền. 04 người Trung Quốc trên bị đưa vào khu cách ly phòng chống dịch Covid 19 theo quy định. Tổng số tiền Đặng Xuân T thu lời trong lần phạm tội này là 3.600.000 đồng.

- Vật chứng, đồ vật, tài sản bị thu giữ:

Thu giữ của T1: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INOVA màu bạc, BKS 18A-064.89 cùng giấy tờ của xe (01 Giấy chứng nhận đăng ký mang tên Nguyễn

Văn Quyên, 01 Giấy chứng nhận kiểm định, 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc); 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu xanh gắn thẻ sim số 0948.707.073.

Thu giữ của Đặng Xuân T: 03 chiếc điện thoại di động gồm 01 chiếc nhãn hiệu Samsung, màu vàng đồng; 01 chiếc nhãn hiệu VIVO, màu xanh đen, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0985.299.389; 01 chiếc di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0878.856.616.

Thu giữ của Trần Thị H2: 02 điện thoại di động gồm 01 chiếc nhãn hiệu HUAWEI bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0372.861.528; 01 chiếc nhãn hiệu OPPO, màu trắng đen, gắn thẻ sim số thuê bao 0386.618.696; 01 giấy CMND, 01 thẻ bảo hiểm mang tên Trần Thị H2; 03 chiếc nhẫn kim loại màu vàng; 01 lắc tay kim loại màu trắng; 02 dây chuyền kim loại màu vàng; 01 viên đá màu xanh; 02 chiếc hoa tai kim loại màu vàng; 02 thẻ ATM.

Thu giữ của Nguyễn Văn T4: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 10+, gắn thẻ sim các số thuê bao 0946.586.938 và 0984.663.870.

Thu giữ của 03 người Trung Quốc: 01 điện thoại REALME màu xanh, gắn thẻ sim số thuê bao 0837.531.607 của Ma Rong Sheng (Mã Vĩnh Thắng); 01 điện thoại REALME màu ghi xám gắn thẻ sim số thuê bao 0812.478.573 và 01 điện thoại VIVO màu đỏ gắn thẻ sim số thuê bao 0948.338.034 của Ma Rong Fan (Mã Vinh Phàm); 01 điện thoại REDMI màu xanh gắn thẻ sim số thuê bao 0947.381.411 của Ma Yong Ji (Mã Vĩnh Cát) và 01 sạc pin dự phòng.

Thu giữ của anh Lê Văn M1: 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, màu sơn nâu vàng, BKS 30E -784.46 và giấy tờ kèm theo; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG.

Thu giữ 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, màu trắng của chị Hà Thị Biên.

Thu giữ tổng số tiền là: 20.385.000 đồng, gồm: 285.000 đồng do bà Hoàng Thị D (mẹ bị can Đặng Xuân T) giao nộp; 4.340.000 đồng do gia đình T1 giao nộp; 1.200.000 đồng do Nguyễn Văn T4 giao nộp; 14.560.000 đồng do Trần Thị H2 giao nộp.

Ngày 04/8/2021, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Lệnh phong tỏa số tiền 52.830.990 đồng trong tài khoản số 47110001127358, mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) của Đặng Xuân T để phục vụ điều tra.

- Kết quả giám định:

Ngày 07/5/2021, Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định trưng cầu giám định gửi đến Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định đối với 04 chiếc điện thoại thu giữ của Mã Vĩnh Cát, Mã Vinh Phàm, Mã Vĩnh Thắng. Tại các bản Kết luận giám định số 1064, 1065, 1066,

1067 cùng ngày 13/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Trích xuất được dữ liệu trong mẫu gửi giám định, qua phân tích dữ liệu, tìm thấy: các cuộc gọi, tin nhắn thoại, ứng dụng Zalo, Facebook Messenger. Qua trích xuất dữ liệu nêu trên thấy rằng các cuộc gọi, tin nhắn giữa các đối tượng người Trung Quốc với Đặng Xuân T, Trần Thị H2 đều phù hợp nhau về thời gian cuộc gọi và nội dung tin nhắn về việc T và H1 tổ chức cho 04 đối tượng người Trung Quốc xuất cảnh trái phép để thu lời bất chính như nội dung đã nêu ở phần trên.

Các ngày 17/5/2021 và ngày 25/5/2021, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định trưng cầu giám định đến Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định đối với 04 chiếc điện thoại thu giữ của Đặng Xuân T, T1, Trần Thị H2 và Nguyễn Văn T4. Tại các bản Kết luận giám định số 1193 ngày 01/6/2021, số 1271 ngày 09/6/2021, số 1364 ngày 23/6/2021, số 1418 ngày 29/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Trích xuất được dữ liệu trong mẫu gửi giám định, qua phân tích dữ liệu, tìm thấy các cuộc gọi thoại, gọi zalo, tin nhắn thoại, tin nhắn zalo, tập tin ảnh, tập tin văn bản, tập tin ghi âm, tập tin video, tin nhắn Facebook Messenger, tin nhắn Facebook. Qua trích xuất dữ liệu thấy rằng các cuộc gọi, tin nhắn của các điện thoại trên đều phù hợp với nhau về thời gian, nội dung, phù hợp với lời khai của các bị can, lời khai của những người Trung Quốc và phù hợp với những nội dung như đã nêu ở phần trên.

Các ngày 19/5/2021 và ngày 26/5/2021, Cơ quan An ninh điều tra ra Quyết định trưng cầu kỹ thuật số và điện tử đối với 01 điện thoại thu giữ của anh Lê Văn M1 (lái xe taxi) và 01 điện thoại thu giữ của chị Hà Thị Biển (người chuyển tiền cho T). Tại các Bản kết luận giám định số 1169 ngày 29/5/2021 và số 1574 ngày 09/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Trích xuất được dữ liệu trong mẫu gửi giám định gồm: lịch sử cuộc gọi đi - đến, tin nhắn - cuộc gọi Zalo, tập tin hình ảnh, tập tin video, tập tin văn bản, tin nhắn Instagram, tin nhắn Wechat từ các điện thoại nêu trên. Qua các bản trích xuất dữ liệu này xác định: Chưa phát hiện thấy bất cứ dữ liệu gì liên quan đến việc có đối tượng bàn bạc, giúp sức hay đồng phạm với Đặng Xuân T, T1, Trần Thị H2 và Nguyễn Văn T4 thực hiện hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép để hưởng lợi.

Tại Cáo trạng số: 90/CT-VKS-P2 ngày 29 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố Nguyễn Văn T4 về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự; Đặng Xuân T, T1 và Trần Thị H2 về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm

g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đặng Xuân T, T1 và Trần Thị H2; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T4: Xử phạt Đặng Xuân T từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo T1 và Trần Thị H2 từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 về án phí đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra các bị cáo T1, Trần Thị H2 và Nguyễn Văn T4 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa bị cáo Đặng Xuân T không thực sự thành khẩn về hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Tuy nhiên căn cứ vào các lời khai các bị cáo khai nhận: Xuất phát từ vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 03/5/2021 đến ngày 06/5/2021, Đặng Xuân T, T1, Trần Thị H2 và Nguyễn Văn T4 đã tổ chức cho 14 người Trung Quốc từ địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và tỉnh Tuyên Quang xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc tại khu vực biên giới Việt - Trung thuộc tỉnh Lạng Sơn, thu lời bất chính tổng số tiền 67.940.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 18 giờ 40 phút ngày 03/5/2021, Nguyễn Văn T4 gọi điện thoại cho Đặng Xuân T về việc tổ chức đưa đón 10 người nam giới Trung Quốc nhập cảnh trái phép đưa đến vùng biên giới để nhóm người này xuất cảnh trái phép nhằm kiếm lời, T đồng ý. Sau đó T rủ T1 lái xe chở số người trên và Trần Thị H2 phiên dịch để giao tiếp T4 lợi với người Trung Quốc trên đường, tránh bị người khác phát hiện, T1 và H1 đồng ý. Sau khi đón được 10 người Trung Quốc, T thu số tiền 72.000.000 đồng của số người Trung Quốc này rồi chuyển khoản cho T4 (qua tài khoản của chị Đặng Thị M – vợ T4) số tiền 62.000.000 đồng để T4 chuyển cho người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể có tài khoản zalo là “Trên mọi nẻo đường”, người này cho T4 số tiền 1.200.000đ. Trong thời gian chờ cơ hội để chở số người Trung Quốc trên đến vùng biên giới tỉnh

Lạng Sơn, T, H1 tổ chức cho họ ăn, ở tại nhà T, T thu thêm của những người Trung Quốc này số tiền 12.000.000 đồng và được người phụ nữ không biết tên, tuổi, địa chỉ trả công số tiền 45.000.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ ngày 04/5/2021, T1, T và H1 đưa 10 người Trung Quốc trên đến khu vực biên giới thuộc thôn Nà Kéo Mới, xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn để họ vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Sau khi trừ chi phí hợp lý, các đối tượng thu lời bất chính tổng số tiền là 64.340.000 đồng, gồm: T 52.500.000 đồng, H1 6.300.000 đồng, T1 4.430.000 đồng và T4 1.200.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 05/5/2021, Đặng Xuân T nhận được số tiền 5.000.000 đồng của người phụ nữ không biết tên, tuổi, địa chỉ thuê đưa đón 04 người Trung Quốc đến vùng biên giới tỉnh Lạng Sơn để vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Sau đó T thuê xe taxi hết 1.400.000 đồng rồi cùng Trần Thị H2 đi đón 04 người Trung Quốc gồm Mã Vĩnh Cát, Mã Vĩnh Phàm, Mã Vĩnh Thắng và Hoàng Tự Tín ở khu vực cầu An Hòa, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đưa về phòng trọ của T để chờ cơ hội để vượt biên. Trên đường đi, lo sợ bị phát hiện nên T đã để số người trên ẩn trú ở khu vực gầm cầu cao tốc thuộc pH1 Nam Viêm, thành phố Phúc Yên và mua thức ăn, nước uống, sạc pin cho số người này sử dụng. Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 06/5/2021, T1 điều khiển xe ô tô BKS 18A – 064.89 cùng T đi lòng vòng quanh địa phận pH1 Nam Viêm, thành phố Phúc Yên tìm đón 04 người Trung Quốc, mục đích đưa họ lên vùng biên giới để họ vượt biên trái phép sang Trung Quốc, nhưng chưa kịp đón thì bị phát hiện, 04 người Trung Quốc trên bị đưa vào trung tâm cách ly phòng chống dịch Covid 19 theo quy định.

[3] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa; căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các Kết luận giám định; vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ để kết luận hành vi của Đặng Xuân T, T1 và Trần Thị H2 tổ chức 02 lần đưa 14 người xuất cảnh trái phép đã phạm vào tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự; hành vi tổ chức đưa 10 người xuất cảnh trái phép của Nguyễn Văn T4 đã phạm vào tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức đưa người xuất cảnh mà không được phép của các cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi trước mắt, không lường trước hậu quả, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Về động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo, xuất phát từ việc tư lợi cá nhân, chưa có động cơ, mục đích nào khác. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong

lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương, đặc biệt trong tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp trong nước cũng như trên thế giới. Việc các bị cáo tự ý tổ chức cho người khác xuất cảnh không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng, dẫn đến tiềm ẩn nguy cơ làm bùng phát dịch bệnh, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống xã hội và phát sinh các loại tội phạm khác như buôn bán người, tội phạm về ma túy, cưỡng đoạt, cưỡng bức lao động và nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp. Do vậy, việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo, phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng: Trước khi phạm tội các bị cáo T và H1 là người có nhân thân xấu (bị cáo T đã từng bị xét xử về hành vi đánh bạc đã được xóa án tích; bị cáo H1 có 01 tiền sự về hành vi xuất cảnh trái phép); các bị cáo T1, T4 đều chưa có tiền án, tiền sự; cả 04 bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là sau khi phạm tội đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Ngoài ra, bị cáo T và T1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; bị cáo T có bố là bệnh binh với tỷ lệ mất sức lao động 81%; bị cáo T1 có bố để được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất. Các bị cáo T, T1 và H1 phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng: Nguyễn Văn T4 là người khởi xướng, rủ rê T để thực hiện hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép ngày 03/5/2021; T là người rủ rê T1 và H1, đồng thời là người trực tiếp thống nhất giá cả với người đàn ông có tài khoản zalo “Trên mọi nẻo đường” và người phụ nữ có số điện thoại + 8615778165635 để tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép ngày 03 và ngày 05/5/2021; T1 và H1 tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức.

Mặc dù các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có sự phân công, chỉ đạo, thực hiện đồng phạm giản đơn nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, gây phản nộ, bất an trong nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi cuộc sống cộng đồng ở ngoài xã hội để chấp hành hình phạt tù tại Trại giam với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ tác dụng răn đe, phòng chống đối với loại tội phạm này.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Do đó, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Cần tịch thu, tiêu hủy 01 sạc pin dự phòng không còn giá trị sử dụng thu giữ của 04 người Trung Quốc khi bị phát hiện.

Cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước đối với số tiền do các bị cáo phạm tội mà có gồm: 285.000 đồng do bà Hoàng Thị D (mẹ Đặng Xuân T) giao nộp; 4.340.000đ do gia đình T1 giao nộp; 1.200.000đ do Nguyễn Văn T4 giao nộp; 6.300.000đ do Trần Thị H2 giao nộp; 52.830.000 đồng tại tài khoản số 47110001127358 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) của Đặng Xuân T.

Cần truy thu, sung quỹ Nhà nước 2.985.000 đồng của Đặng Xuân T.

Trả lại cho Trần Thị H2 số tiền 8.260.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[10] Đối với đối tượng “T - Ninh Bình”, chủ tài khoản Zalo “Trên mọi nẻo đường”. Kết quả điều tra không xác định được tên, tuổi cụ thể của người này, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại các địa điểm mà Nguyễn Văn T4 đưa đón, gặp T – Ninh Bình và địa điểm bàn giao 10 người Trung Quốc đêm 04/5/2021 ở xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên xác minh tại các địa bàn này, kết quả đều cho thấy không có trường hợp công dân nào có thông tin, đặc điểm như nêu trên. Kết quả xác minh số thuê bao điện thoại 0383.239.961 do Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội cung cấp thông tin chủ thuê bao này là chị Đinh Thị Hồng Thắm, sinh ngày 19/11/1983, trú tại PH1 Quang Trung, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Chị Thắm khai bản thân không đăng ký và sử dụng số điện thoại 0383239961, không biết ai sử dụng số thuê bao này, hiện tại số thuê bao này không liên lạc được. Do vậy, việc Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

[11] Đối với người phụ nữ sử dụng số điện thoại +8615778165635 và người nam giới sử dụng số điện thoại +861847641588 đã liên lạc với Đặng Xuân T để tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép ngày 06/5/2021. Kết quả điều tra xác định: Các số điện thoại nêu trên mã vùng không phải của Việt Nam; không xác định được nhân thân lai lịch, đặc điểm nhận dạng cụ thể của 02 người này. Do đó, việc Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét đối với 02 đối tượng này là

đúng quy định.

[12] Đối với đối tượng nam giới đón 10 người Trung Quốc (ở chuyên thứ nhất) từ thị trấn Đồng Đăng, Lạng Sơn, có các số điện thoại là 0373.081.233, 0388.856.762 và đối tượng hẹn đón ở thành phố Vĩnh Yên có số điện thoại 0347.388.504. Kết quả điều tra xác định đây là những sim rác, sử dụng thông tin của người khác để đăng ký. Do không xác định được nhân thân lai lịch của những người này nên việc Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra, xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[13] Đối với chủ tài khoản số 109000290063, mở tại ngân hàng VIETINBANK mang tên HA THI BIEN đã chuyển vào tài khoản cho Đặng Xuân T số tiền 45.000.000 đồng ngày 04/5/2021 và tài khoản số 19033346935010 mang tên HA THI BINH đã chuyển số tiền 5.000.000 đồng vào tài khoản của Đặng Xuân T ngày 06/5/2021. Kết quả điều tra xác định chủ của các số tài khoản chuyển tiền trên là của chị Hà Thị Biễn, sinh ngày 02/6/1984, trú tại thôn Cốc Nam, xã Tân Mỹ, Văn Lãng, Lạng Sơn. Ngày 04/5/2021 và ngày 06/5/2021, chị Biễn chuyển tiền giúp cho một người phụ nữ Trung Quốc tên là “Chấn”, (không rõ nhân thân, lai lịch, chỉ biết ở Bằng Tường, Quảng Tây, Trung Quốc, có số điện thoại 008613087969262), nhờ chuyển tổng số tiền 50.000.000 đồng vào số tài khoản 47110001127358, chủ tài khoản Đặng Xuân T, mở tại Ngân hàng BIDV để lấy tiền hoa hồng, chị Biễn không biết thông tin cá nhân của những người mà Chấn đã thuê chuyển tiền, nội dung và mục đích Chấn chuyển tiền cho những người này để làm gì. Kết quả giám định trích xuất dữ liệu và thu giữ điện tín tại Tập đoàn Công nghiệp- Viễn thông quân đội và kết quả giám định trích xuất dữ liệu trong điện thoại của chị Biễn, xác định chị Biễn không có liên lạc gì với 04 các bị cáo trong vụ án và những người liên quan. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Hà Thị Biễn là đúng quy định của pháp luật.

[14] Đối với người phụ nữ Trung Quốc tên là “Chấn”, do không xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra, xử lý.

[15] Đối với anh Lê Văn M1, kết quả điều tra xác định anh M1 làm nghề lái xe taxi. Khoảng 16 giờ ngày 05/5/2021, anh M1 được T thuê chở đi đón bạn ở tỉnh Tuyên Quang đưa về phòng trọ của T với giá 1.400.000 đồng. Tuy nhiên sau khi đón được 04 người Trung Quốc, anh M1 nghi ngờ số người này nhập cảnh trái phép nên đã từ chối chở họ. Bản thân anh M1 không biết và T cũng không nói cho anh M1 biết việc T tổ chức đưa nhóm người này xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh M1 là đúng quy định của pháp luật.

[16] Đối với 04 đối tượng người Trung Quốc gồm: Mã Vĩnh Cát, Mã Vinh Phàm, Mã Vinh Thắng và Hoàng Tự Tín. Kết quả điều tra xác định: Ngay sau khi bị phát hiện, 04 đối tượng nêu trên đều đã có Quyết định cách ly phòng chống dịch Covid 19 tập trung tại khu Trường Chuyên Vĩnh Phúc cũ, thuộc pH1 Liên

Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại Công văn trao đổi thông tin xuất nhập cảnh số 1431 ngày 27/5/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an đã trả lời Cơ quan điều tra là: Chưa có thông tin nhập xuất cảnh, chưa có thông tin xử lý vi phạm về xuất nhập cảnh của những đối tượng này. Các đối tượng Trung Quốc đều khai: mục đích nhập cảnh trái phép vào Việt Nam thông qua những đối tượng môi giới người Trung Quốc (không rõ nhân thân, lai lịch) để tìm kiếm việc làm có thu nhập cao, ngoài ra không có mục đích gì khác. Tuy nhiên, từ khi sang Việt Nam các đối tượng này đều chưa tìm được việc làm gì, do các cơ quan chức năng của Việt Nam tổ chức kiểm soát mạnh mẽ để đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid 19 nên họ đã thuê T và đồng bọn tổ chức đưa họ đến vùng biên giới để trốn về Trung Quốc. Kết quả tra cứu, Cục xuất nhập cảnh Bộ công an cung cấp 04 đối tượng trên đều chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép, do vậy cả 04 đối tượng có tên trên đều không đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh; tội ở lại Việt Nam trái phép” quy định tại điều 347 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Kết quả xét nghiệm Covid 19 đối với 04 đối tượng này đều cho kết quả 02 lần âm tính. Ngày 03/6/2021, Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định xử phạt với hình thức trục xuất theo thủ tục hành chính đối với 04 đối tượng này và đã bàn giao 04 đối tượng này cho các cơ quan chức năng của Trung Quốc là phù hợp.

[17] Đối với bà Hoàng Thị D (mẹ đẻ của Đặng Xuân T) và ông Hoàng Văn H1 (cậu ruột của Đặng Xuân T). Kết quả điều tra xác định bà Dung và ông H1 không biết hành vi phạm tội của T và đồng phạm, không được hưởng lợi gì, vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bà Hoàng Thị D và ông Hoàng Văn H1 là đúng theo quy định của pháp luật.

[18] Đối với chị Đặng Thị M (vợ của Nguyễn Văn T4): Kết quả điều tra xác định chị M không biết việc T4 tham gia tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, không biết nội dung việc nhận và chuyển cho người khác số tiền 62.000.000 đồng, bản thân cũng không được hưởng lợi gì từ việc này. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Đặng Thị M.

[19] Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone, màu trắng thu giữ của Hà Thị Biễn, quá trình điều tra xác định Biễn mua điện thoại để liên lạc cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội của Đặng Xuân T và đồng phạm. Ngày 04/8/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Biễn chiếc điện thoại trên, chị Biễn đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[20] Đối với xe ô tô biển kiểm soát 18A-064.89 kèm theo giấy tờ của xe do T1 tự nguyện giao nộp. Kết quả điều tra xác định: Chiếc xe này đứng tên chủ sở hữu trong đăng ký xe là Nguyễn Văn Quyên, sinh năm 1973, ở Xóm 10 Tân Tiến, xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Khoảng tháng 3/2016, ông Quyên mua xe để phục vụ đi lại. Đến tháng 11/2020, ông Quyên không có nhu cầu đi lại nên bán chiếc xe trên cho cửa hàng mua bán xe cũ mới của ông Nguyễn Văn

Quyết, sinh năm 1975 ở xã Trung Đông, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Ngày 08/01/2021, ông Quyết bán xe ô tô BKS 18A-064.89 cho ông Phạm Huy T2, sinh năm 1943, ở Xóm 10, xã H2, huyện H1, tỉnh Nam Định – là bố của đẻ của T1. Khi mua bán xe hai bên có giấy tờ mua bán, giá bán là 295.000.000 đồng, đến nay ông Thông vẫn chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ. Về nguồn gốc số tiền mua xe: Cùng ngày 08/01/2021, ông Thông thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của gia đình vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Cồn, Nam Định số tiền 300.000.000đ. Hàng ngày, ông Thông giao xe cho T1 làm dịch vụ để trang trải cuộc sống gia đình và nộp tiền gốc lãi cho Ngân hàng. Ông Thông không biết và T1 cũng không nói cho ông Thông biết về việc sử dụng chiếc xe ô tô trên làm phương tiện phạm tội. Kết quả tra cứu chiếc xe này không phải xe vật chứng. Do vậy, ngày 16/7/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe này cho ông Thông. Ông Thông nhận xe và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[21] Đối với chiếc ô tô BKS 30E-784.46 và giấy tờ kèm theo; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG thu giữ của anh Lê Văn M1. Kết quả điều tra xác định, ngày 05/5/2021 anh M1 sử dụng chiếc xe ô tô trên chở T, H1 và 04 người Trung Quốc nhưng không liên quan đến hành vi phạm tội của T và H1. Kết quả tra cứu không phải xe vật chứng. Ngày 25/6/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh M1 số tài sản trên, anh M1 nhận đủ tài sản và không có yêu cầu thắc mắc gì nên không xem xét.

[22] Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm mang tên Trần Thị H2; 03 chiếc nhẫn kim loại màu vàng; 01 lắc tay kim loại màu trắng; 02 dây chuyền kim loại màu vàng; 01 viên đá màu xanh; 02 hoa tai kim loại màu vàng; 02 thẻ ATM thu giữ của Trần Thị H2. Kết quả điều tra xác định số đồ vật, tài sản trên đều thuộc sở hữu của H1. Ngày 30/5/2021, H1 có đơn đề nghị giao lại các đồ vật, tài sản của H1 cho mẹ đẻ H1 là bà Trần Thị S. Ngày 30/9/2021, Cơ quan điều tra đã bàn giao các đồ vật, tài sản đã tạm giữ của H1 như đã nêu trên cho bà Sơn; bà Sơn nhận đủ tài sản, tại phiên tòa H1 và bà Sơn không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[23] Đối với 04 chiếc điện thoại di động các loại đã thu giữ của 03 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép. Quá trình điều tra xác định số điện thoại không phải vật chứng của vụ án, không liên quan đến hành vi phạm tội của T và đồng phạm, không liên quan đến hành vi vi phạm khác. Ngày 12/6/2021, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại điện thoại nêu trên cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật, 04 đối tượng người Trung Quốc đã nhận lại tài sản và không có ý kiến thắc mắc gì.

[24] Về án phí: Buộc các bị cáo Đặng Xuân T, T1, Trần Thị H2 và Nguyễn Văn T4 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Đặng Xuân T, T1, Trần Thị H2 và Nguyễn Văn T4 phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Xuân T 8 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/5/2021.

Xử phạt bị cáo T1 7 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/5/2021.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H2 7 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/5/2021.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 05 (Năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 19/7/2021.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy 01 sạc pin dự phòng điện thoại màu xanh có dòng chữ “e.Saver” không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với số tiền do các bị cáo phạm tội mà có gồm: 4.340.000 đồng của T1; 1.200.000 đồng của Nguyễn Văn T4; 6.300.000 đồng của Trần Thị H2; 53.115.000 đồng của Đặng Xuân T (trong đó gồm 285.000 đồng do bà Hoàng Thị D mẹ Đặng Xuân T giao nộp và 52.830.000 đồng trong tài khoản số 47110001127358 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) của Đặng Xuân T.

Truy thu, nộp ngân sách Nhà nước 2.985.000 đồng của Đặng Xuân T.

Trả lại cho Trần Thị H2 số tiền 8.260.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Tịch thu, phát mại sung ngân sách nhà nước 07 chiếc điện thoại di động sử dụng làm phương tiện phạm tội, gồm: 03 chiếc của Đặng Xuân T (01 chiếc nhãn hiệu Samsung, màu vàng đồng; 01 chiếc nhãn hiệu VIVO, màu xanh đen; 01 chiếc di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen); 01 chiếc của T1 nhãn hiệu OPPO RENO 2F màu xanh dương; 02 chiếc của Trần Thị H2 (01 chiếc nhãn hiệu HUAWEI; 01 chiếc nhãn hiệu OPPO, màu trắng đen); 01 chiếc của Nguyễn Văn T4 nhãn hiệu Samsung Galaxy Note màu xanh.

Toàn bộ vật chứng và tiền nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc lập ngày 06 tháng 12 năm 2021.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH1 vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đặng Xuân T, T1, Trần Thị H2 và Nguyễn Văn T4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh phúc;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình, Nam Định, Yên Bái, Lạng Sơn;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng HC-TP, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà